TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST
Ngày : 11-9-2019
V/V "Ly hôn giữa ông P và bà H, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đặng Văn Bé.
Ông Nguyễn Văn Bon.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 171/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HN ngày 15 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Duy P. Địa chỉ: ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Thúy H. Địa chỉ: ấp V, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-7-2019 và trong quá trình xét xử, ông Nguyễn Duy P là nguyên đơn trình bày: Ông và bà Đặng Thị Thúy H chung sống với nhau từ năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Sơn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp nhau, sau khi cưới nhau khoảng 3 tháng thì ông về Gò Công Tây sinh sống nên tình cảm ngày càng phai nhạt, ngoài ra giữa bà H và gia đình ông cũng có mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 07/7/2015. Hiện con đang sống với ông, khi ly hôn ông yêu cầu nuôi con

chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện ông làm thanh long, thu nhập hằng tháng của ông khoảng 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đặng Thị Thúy H bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của ông P về điều kiện kết hôn là đúng, về mâu thuẫn vợ chồng là không đúng. Ông P có người phụ nữ khác bên ngoài. Nay ông P yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 07/7/2015. Hiện con đang sống với ông P từ khoảng tháng 8 năm 2018 cho đến nay, nếu phải ly hôn bà yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ 8/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện bà làm thanh long, thu nhập hằng ngày của bà khoảng 200.000 đồng- 300.000 đồng.

Về tài sản chung, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà H không đồng ý ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng, thu nhập mỗi ngày từ 300.000 đồng- 400.000 đồng.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ông P yêu cầu ly hôn với bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông P và bà H có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Ông P yêu cầu ly hôn với bà H. Xét thấy tại phiên hòa giải và tại phiên tòa ông P vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với bà H, bà H không đồng ý ly hôn. Sau khi cưới nhau ba tháng mỗi người sống một nơi. Bà H cho rằng ông P đã có người phụ nữ khác bên ngoài, điều đó khẳng định mục đích hôn nhân của bà H và ông P không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa ông P và bà H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 19, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông P đối với bà H.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 07/7/2015 (hiện do ông P nuôi dưỡng). Cả hai đương sự điều có nguyện vọng nuôi con chung, ông P yêu cầu nuôi con không yêu cầu bà H cấp

dưỡng, bà H yêu cầu nuôi con, yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/1 tháng. Xét về điều kiện kinh tế của hai đương sự thì tương đương nhau, cháu Bảo N đã trên 36 tháng tuổi hiện đang sống cùng ông P từ khoảng tháng 8 năm 2018 cho đến nay, để giữ ổn định về mọi mặc cũng như điều kiện chăm sóc con chung nên cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con của ông P và cần giao con chung tên Bảo N cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng con chung đủ 18 tuổi, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 09, 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Duy P ly hôn với bà Đặng Thị Thúy H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 07/7/2015 cho ông P nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi (hiện do ông P nuôi dưỡng), bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Không ai được lợi dụng việc thăm nom con hoặc việc trực tiếp nuôi con để cản trở việc nuôi con hoặc việc thăm nom con, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên còn lại. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí: Ông P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà ông P đã nộp theo biên lai thu số 0002159 ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không

có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự.
- UBND xã Đồng Sơn, Gò Công Tây.
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí